

Số: 124 /CPCL-TCKT
V/v công bố thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCX TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Mã chứng khoán: CLC

Trụ sở chính: Khu CN Cát Lái (Cụm 2), Đường D, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, Tp. HCM.

Điện thoại: (08) 37421118 Fax: (08) 37420923 Website: www.catloi.com.vn.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Tấn Hoà.

Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Cát Lợi – Khu CN Cát Lái, Quận 2, TP. HCM.

Điện thoại: (08) 37421118 Fax (08) 37420923.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2014. (đính kèm)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04 tháng 03 năm 2015 tại đường dẫn www.catloi.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Bùi Tấn Hoà



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2015



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng phát triển	3
6. Các rủi ro.	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	4
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	4
2. Tổ chức và nhân sự:	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	6
4. Tình hình tài chính	6
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	7
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	9
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014:.....	9
2. Tình hình tài chính:	11
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	12
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2015:	13
5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có.....	14
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	14
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	14
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	16
3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	16
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	17
1. Hội đồng quản trị.....	17
2. Ban kiểm soát	23
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	25
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	26
1. Ý kiến kiểm toán:	26
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).	27

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Cát Lợi.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.
- Vốn điều lệ 31/12/2014: 131.038.300.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.038.300.000 VND.
- Địa chỉ: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.37421118 Fax: 08.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC

2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

- In bao bì; sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá;

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các công ty sản xuất thuốc lá điều trong cả nước từ Bắc tới Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định luật doanh nghiệp và luật chứng khoán bao gồm:

- Các cổ đông công ty.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc.
- Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư xuất nhập khẩu.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phát triển bền vững, giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng.
- Sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;

- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất là thiết bị nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.

6. Các rủi ro.

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một số lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc điếu và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
				TH-2014/ TH-2013	TH-2014/ KH-2014
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.603.670	1.512.000	1.473.694	91,90%	97,47%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	78.128	65.000	86.371	110,55%	132,88%

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2014 đạt 1.474 tỷ đồng tương ứng giảm 2,5% so với kế hoạch năm và giảm

8,1% so với năm trước. Tuy nhiên lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty đạt 86,4 tỷ đồng tương ứng vượt 32,9% so với kế hoạch năm và tăng 10,6% so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Bùi Tấn Hoà: Giám Đốc
- Ông Nguyễn Đức Hanh: Phó Giám Đốc
- Ông Nguyễn Hoàng Minh: Phó Giám Đốc
- Ông Trương Bình An Sơn: Kế Toán Trưởng

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không thay đổi

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2014 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	2
2. Đại học	59
3. Cao đẳng	19
4. Trung cấp	47
5. Trung học dạy nghề	86
6. Lao động phổ thông	136
Tổng cộng :	349

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2014 đạt 11.278.510 đồng/người/tháng.

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a. **Các khoản đầu tư lớn:** hoàn tất đầu tư và đưa vào sử dụng 1 máy đục lỗ giấy sáp.
- b. **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

4. Tình hình tài chính
a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	Đồng	577.267.444.004	724.223.297.203	25,5%
Doanh thu thuần	"	1.602.041.379.642	1.472.157.768.426	-8,1%
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	"	77.254.613.736	85.984.125.449	11,3%
Lợi nhuận khác	"	873.824.136	386.710.390	-55,7%
Lợi nhuận trước thuế	"	78.128.437.872	86.370.835.839	10,5%
Lợi nhuận sau thuế	"	71.239.590.966	71.526.921.017	0,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	%	46,0%	64,1%	39,4%

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện 2013 là 25%/vốn điều lệ chiếm 46,0% lợi nhuận sau thuế, năm 2014 dự kiến trả cổ tức là 35% .

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu		Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,70	1,56	
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	"	0,78	0,39	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	51,81	58,20	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	"	107,53	139,22	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,84	3,44	
+ Doanh thu thuần /Tổng tài sản	"	2,78	2,03	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,45	4,86	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	"	25,61	23,63	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	12,34	9,88	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	"	4,82	5,84	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
a. Cổ phần tại 31/12/2014:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: -
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 13.103.830 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng -
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 24/02/2015:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	<u>532</u>	<u>12.414.722</u>	<u>94,74%</u>
1	Cổ đông Nhà nước (TCT Thuốc lá Việt Nam)	1	6.683.040	51,00%
2	Cổ đông lớn (Cty TL Sài Gòn > 5%)	1	836.270	6,38%
3	Công đoàn	1	3.589	0,03%
4	Cổ đông khác	529	4.891.823	37,33%
	HĐQT, BGD, BKS	7	151.627	1,16%
	Cá nhân trong công ty	86	680.836	5,19%

	Cá nhân ngoài công ty	411	3.497.179	26,69%
	Tổ chức trong nước	25	562.181	4,29%
II.	Nước ngoài	<u>55</u>	<u>689.108</u>	<u>5,26%</u>
1	Cá nhân	42	216.428	1,65%
2	Tổ chức	13	472.680	3,61%
	<u>Tổng cộng</u>	<u>587</u>	<u>13.103.830</u>	<u>100%</u>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	836.270	6,38%
	<u>Tổng cộng</u>		<u>7.519.310</u>	<u>57,38%</u>

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
				TH-2014/ TH-2013	TH-2014/ KH-2014
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.603.670	1.512.000	1.473.694	91,90%	97,47%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	78.128	65.000	86.371	110,55%	132,88%
3. Sản lượng tiêu thụ + Cây đầu lọc (Tr. Cây)	13.661	13.200	12.364	90,51%	93,67%
+ Nhãn in (Tr. Tờ)	2.113	1.650	1.612	76,29%	97,70%
+ Giấy sếp (Tấn)	1.772	1.555	1.601	90,35%	102,96%

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2014 đạt 1.474 tỷ đồng tương ứng giảm 2,5% so với kế hoạch năm và giảm 8,1% so với năm trước. Tuy nhiên lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty đạt 86,4 tỷ đồng tương ứng vượt 32,9% so với kế hoạch năm và tăng 10,6% so với năm trước.

- Trong năm 2014, sản lượng cây đầu lọc giảm so với năm 2013 do tình hình nguyên liệu Tow nhập khẩu do nguồn cung cũng hạn chế đối với việc triển khai những sản phẩm mới với nguyên liệu hoàn toàn mới làm cho công tác chuẩn bị vật tư gặp đôi chút khó khăn. Đồng thời sản lượng tiêu thụ của các nhà máy Thuốc lá giảm.

- Sản lượng nhãn in tiếp tục bị sụt giảm do khách hàng bỏ sử dụng tút giấy in, các sản phẩm in thay đổi liên tục do ảnh hưởng của luật in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh đã gây khó khăn ít nhiều cho việc sản xuất của Công ty. Vì thế sản lượng nhãn in so với kế hoạch năm 2014 giảm 3.3% và giảm so với năm trước 23.7% .

- Đối với sản phẩm giấy sếp vẫn tiếp tục giữ nhịp độ tăng trưởng, những mẫu hàng được triển khai khá nhiều chủ yếu vẫn là những sản phẩm giấy sếp nhiều màu và giấy sếp đục lỗ với nhu cầu cao cấp và được thiết kế sắc sảo hơn. Nhìn chung tình hình sản xuất và tiêu thụ giấy sếp khá tốt so với kế hoạch đề ra và thấp hơn cùng kỳ năm trước.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014, khó khăn lớn nhất là do việc tác động Luật phòng chống thuốc lá được áp dụng làm cho sản lượng tiêu thụ cây đầu lọc và nhãn in giảm vì thế đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó Công ty luôn chú trọng công tác quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý tiêu hao vật tư để đảm bảo giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với khách hàng để đạt được kết quả lợi nhuận đề ra mặc dù doanh thu giảm.

- Nguồn lực về máy móc thiết bị bổ sung trong năm gồm: thuê hoạt động 01 máy cắt, lắp đặt hoàn chỉnh 01 máy đục lỗ giấy sáp với công nghệ mới đáp ứng nhu cầu sản xuất các sản phẩm giấy đục lỗ ngày càng tăng.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

➤ **Thuận lợi:**

- Thuận lợi lớn nhất của công ty trong năm qua là việc tỷ giá USD ổn định, tỷ giá thanh toán thực tế và tỷ giá của ngân hàng không chênh lệch nhiều đã góp phần làm tăng lợi nhuận thực hiện của công ty. Bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ của Công ty xuất nhập khẩu Thuốc lá trong việc cân đối nguồn ngoại tệ nhập hàng cho công ty.

- Đặc biệt là trong hai quý cuối năm giá xăng dầu cũng như ngoại tệ EUR giảm mạnh nên công ty đã chủ động nhập những mặt hàng mua từ Châu Âu về. Đây chính là thời điểm thuận lợi nhất trong năm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty.

- Ngoài ra, lãi suất ngân hàng trong năm qua đã ổn định và giảm khá nhiều so với những năm trước, cùng với sự hợp tác của các khách hàng trong việc thu hồi công nợ đã góp phần tạo sự trong hiệu quả hoạt động tài chính của công ty.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, đồng thời được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài Tổng công ty trong năm qua, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định.

- Công tác XNK - vật tư được điều tiết khá tốt, hàng về đúng theo tiến độ sản xuất và lượng tồn kho phù hợp, đảm bảo nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Các nguồn lực về máy móc trang thiết bị và nhân sự của công ty đã được chuẩn bị rất tốt cho công tác sản xuất những sản phẩm mới đáp ứng cho thị trường thuốc lá ngày càng đa dạng và phong phú.

➤ **Khó khăn:**

- Tình hình thị trường trong năm qua diễn biến ngoài dự kiến của Công ty đặc biệt nhóm hàng nhãn in, sản lượng giảm sút nhiều và duy trì lâu đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất Công ty.

- Khó khăn nguyên liệu Tow nhập khẩu do nguồn cung cũng hạn chế và nhiều khách hàng lại yêu cầu triển khai những sản phẩm với nguyên liệu hoàn toàn mới làm cho công tác chuẩn bị vật tư gặp đôi chút khó khăn.

- Sản lượng không ổn định và việc đổi mẫu thường xuyên, cộng với nhiều yêu cầu sản xuất những đơn hàng nhỏ lẻ. Bên cạnh đó, Công ty phải tập trung thay đổi mẫu mã các sản phẩm in theo yêu cầu khách hàng, đồng loạt chỉnh sửa thiết kế các sản phẩm chủ lực, hầu hết các sản phẩm nội tiêu không còn sử dụng tút, thay đổi trục in, dập nổi, thêm nhiều hiệu ứng mới cũng là một yếu tố làm tăng chi phí của công ty. Việc thay đổi lớn này đã làm công ty gặp khá nhiều khó khăn trong công tác chuẩn bị vật tư cũng như bố trí sản xuất và giao hàng.

- Do các cơ quan chức năng điều chỉnh nhiều chính sách nhằm kiểm soát việc vận chuyển quá tải dẫn đến các hãng tàu và các đơn vị vận chuyển đều đồng loạt tăng giá trong thời gian giữa năm.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	658.208	508.129	150.079	29,5%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.679	22.649	(15.970)	-70,5%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	155.690	210.057	(54.367)	-25,9%
IV. Hàng tồn kho	490.479	269.900	220.579	81,7%
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.359	5.524	(165)	-3,0%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	66.016	69.138	(3.122)	-4,5%
I- Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
II. Tài sản cố định	45.032	49.011	(3.979)	-8,1%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.054	19.197	857	4,5%
V. Tài sản dài hạn khác	930	930	-	0,0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	724.223	577.267	146.956	25,5%

Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng 25,5% chủ yếu là do:

- Tài sản ngắn hạn tăng 29,5% tương ứng 150,1 tỷ làm tăng tỷ trọng từ 88% đến 91% trong Tổng tài sản do:

+ Hàng tồn kho tăng 81,7% tương ứng 220,5 tỷ do dự trữ vật tư tăng so với đầu năm.

- + Khoản phải thu giảm 25,9% tương ứng 54,3 tỷ do khách hàng thanh toán đúng hạn.
- + Tiền và tương đương tiền giảm 70,5% tương ứng 15,9 tỷ do trả nợ ngân hàng.
- Tài sản dài hạn giảm 4,5% tương ứng 3,1 tỷ làm giảm tỷ trọng từ 12% xuống còn 9% nguyên nhân chủ yếu do đầu tư TSCĐ 22,9 tỷ, khấu hao TSCĐ 27,1 tỷ và hoàn nhập dự phòng tài chính dài hạn 0,8 tỷ.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn
Đơn vị tính triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	421.475	299.111	122.364	40,9%
I. Nợ ngắn hạn	421.475	299.111	122.364	40,9%
II. Nợ dài hạn	-	-	-	0,0%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	302.748	278.157	24.591	8,8%
I. Vốn chủ sở hữu	302.748	278.157	24.591	8,8%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	724.223	577.267	146.956	25,5%

- Nợ phải trả của Công ty cuối năm tăng 122 tỷ đồng tương đương tăng 40,9% tương ứng với việc tài sản lưu động tăng.

- Cơ cấu nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước cụ thể năm trước hệ số nợ phải trả /vốn chủ sở hữu là 107,53%, năm nay tăng 139,22%. Khoản nợ phải trả chủ yếu là khoản vay Ngân hàng thương mại, với hệ số nợ này tạm thời an toàn trong điều kiện được sự hỗ trợ tín dụng của Ngân hàng một cách bình thường, tuy nhiên vẫn còn rủi ro khi Công ty tăng trưởng doanh thu và đầu tư mở rộng sản xuất. Vì thế để giảm bớt sự rủi ro do phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay công ty cần phải tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển hoặc phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi..) nhằm đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty giảm so với năm trước đạt 1,56 lần (năm trước là 1,70 lần) vẫn đảm bảo mức độ an toàn đối với hoạt động của Công ty. Hiện các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu giảm so với năm trước đạt 23,63%, vốn chủ sở hữu của Công ty đã tăng được 8,8% so với năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách.

- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện hệ thống ISO để quản lý sản xuất.
- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2015:

Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong năm 2014, xu hướng phát triển sản phẩm của cùng những chuyển biến của thị trường, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2015 như sau :

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2015</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.530.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	70.000
3	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	75.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (<i>quy đổi</i>)	Triệu cây	12.650
	- Nhân in (<i>quy đổi</i>)	Triệu tờ	1.640
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1.700

Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình năm 2015 sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp. Công ty sẽ luôn theo sát diễn biến thị trường kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất nhằm quản lý sản xuất kinh doanh như sau:

- Thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh của công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh giá bán sản phẩm khi nguyên liệu đầu vào tăng hoặc giảm giá bán khi giá cả đầu vào ổn định nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty cũng như gắn liền với lợi ích của khách hàng.
 - ✓ Giữ vững thị phần sản phẩm cây đầu lọc và giấy sếp hiện có.
 - ✓ Cố gắng tăng thị phần sản phẩm in hơn nữa. Bên cạnh đó, sản phẩm in còn chiếm tỷ lệ sản lượng thấp so với tiềm năng vốn có, do đó cần có phương hướng duy trì thị phần, cải thiện về sản lượng đầu ra.
- Công ty đã xây dựng cho kế hoạch nguyên liệu năm 2015, luôn chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên liệu mới với chất lượng phù hợp và giá cả ổn định, cạnh tranh đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Tỷ giá USD, EUR cũng sẽ

là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kế hoạch năm 2015 của công ty vì phần lớn nguyên liệu sản xuất của công ty là những mặt hàng phải nhập khẩu.

- Kế hoạch nghiên cứu trong năm mới tập trung vào nâng cao công nghệ và chiều sâu trong việc khai thác những sản phẩm mới theo xu hướng thuốc cao cấp như giấy sấp nhiều màu có đục lỗ, cải thiện nhãn in cảnh báo hình ảnh với nhiều hiệu ứng như ép nhũ, LCC.... Kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường thuốc cao cấp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nhất là khi các sản phẩm của mặt hàng thuốc lá trong nước sẽ phải nâng cấp để cạnh tranh với các loại thuốc lá nhập khẩu.
- Kế hoạch đầu tư trong năm 2015 của Công ty là tiếp tục thực hiện theo dõi tiến độ đầu tư máy in ống đồng 10 màu mới, bên cạnh đó cũng đồng thời cải tiến, bảo dưỡng nâng cấp máy móc thiết bị hiện có nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và sử dụng hợp lý hiệu suất vốn đầu tư.
- Thực hiện tốt công tác tổ chức của công ty: bổ sung, sắp xếp và luân chuyển công tác nhân sự có nghiệp vụ phù hợp ... từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty trong tương lai.
- Tiếp tục hoàn thiện các qui chế nội bộ, xây dựng hệ thống lương thưởng, đãi ngộ và đánh giá hiệu quả công việc, nâng cao đẩy mạnh công tác đào tạo. Từng bước hoàn thiện các qui chế, qui định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.
- Khuyến khích phong trào thi đua sáng kiến trong sản xuất, áp dụng những công nghệ mới có tính thực tiễn cao, cải tiến công nghệ cũ nhằm khai thác tối đa công suất phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao vật tư trong sản xuất và có các biện pháp quản lý, khai thác sử dụng thiết bị và nhân công một cách hiệu quả.
- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực kế thừa cho Công ty, có chính sách cho công nhân viên đi học nhằm nâng cao nghiệp vụ, tay nghề. Bên cạnh đó, cũng thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Với sự chuẩn bị cho kế hoạch năm 2015 như đã nêu, dự đoán nhu cầu thị trường 2015 vẫn còn nhiều khó khăn và sản lượng sẽ tăng nhẹ so với năm 2014. Tuy nhiên, công ty đánh giá thời điểm khó khăn cũng chính là cơ hội dành cho Công ty nên phần đầu xây dựng kế hoạch thực hiện ở mức tối ưu có thể. Công ty sẽ cố gắng phát huy lợi thế của mình trong năm mới, thực hiện tiết kiệm và có hiệu quả nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành và của Công ty.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

a. Về kết quả sản xuất kinh doanh

- Do tác động của luật phòng chống tác hại của thuốc lá với việc in cảnh báo hình ảnh trên bao thuốc lá cùng với tình hình thuốc nhập lậu gia tăng đã ảnh hưởng lớn và làm giảm sản lượng tiêu thụ của hầu hết các đơn vị sản xuất thuốc điều trong nước, kéo theo sản lượng tiêu thụ của Công ty cũng giảm theo. Tuy nhiên Công ty đã chú trọng công tác quản lý sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao trong sản xuất vì thế mặc dù tổng doanh thu năm 2014 của Công ty chỉ đạt 1.474 tỷ đồng giảm 2,5% so với kế hoạch năm, song lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty đã đạt 86,4 tỷ đồng vượt 32,9% so với kế hoạch năm. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ của Công ty đạt 54,6% trong điều kiện khó khăn chung của ngành thuốc lá, đó là sự cố gắng lớn của Công ty.

b. Về hoạt động đầu tư và nguồn lực hỗ trợ

- Trong năm 2014, công ty đã thực hiện được các mục tiêu đầu tư máy móc thiết bị như sau: trang bị thêm 01 máy cắt thông qua việc thuê dài hạn, đầu tư mới 1 máy đục lỗ giấy sấp... Nhìn chung các công trình đầu tư đã được thực hiện theo đúng tiến độ, công ty đã tiến hành tiếp nhận và lắp đặt hoàn chỉnh các máy móc, thiết bị đưa vào sản xuất để bắt kịp nhu cầu thị trường trong việc phát triển sản phẩm cao cấp, góp phần tích cực vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty cũng đang tiến hành thực hiện lập dự án đầu tư thêm 01 máy in ống đồng 10 màu tích hợp UV và ép nhũ nóng trong năm 2015 theo chủ trương được duyệt của HĐQT nhằm nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất của công ty trong tương lai.

c. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động.

- Công ty luôn chú trọng chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

d. Về công tác đoàn thể và xã hội

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn và đoàn thanh niên trong công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...

- Công ty cũng dành một phần kinh phí tham gia các hoạt động xã hội như tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo...

e. Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty nghiêm yết theo quy định của pháp luật.

- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

f. Về tiềm năng sản phẩm của Công ty

- Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sấp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước. Công tác thị trường luôn được công ty chú trọng.
- Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh đạt được năm 2014, Ban giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao cho, tuy nhiên trước những khó khăn chung của nền kinh tế với kết quả đã đạt được Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực trong các hoạt động của Ban giám đốc cụ thể:
 - Ban Giám Đốc công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2014.
 - Giám sát sản xuất chặt chẽ quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm và giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất.
 - Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh.
 - Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh tăng hoặc giảm giá bán sản phẩm khi chi phí nguyên liệu đầu vào tăng giá hoặc giảm giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.
 - Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.
 - Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng tới tinh thần hợp tác của các cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.
- Xây dựng chiến lược công ty, tổ chức bộ máy quản trị rủi ro trong công ty.

- Thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để chuyên trách giúp việc cho Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý Công ty.
- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Chỉ đạo Ban giám đốc thường xuyên quan tâm đến công tác nguồn nhân sự đào tạo và tuyển dụng; công tác thị trường; công tác quản lý tài chính, vốn và dòng tiền; công tác quản trị rủi ro công ty. Đặc biệt quan tâm tới công tác đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với định hướng phát triển mới.
- Phấn đấu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Quách Kim Anh + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 15/02/1960 Nghệ An Việt Nam Đại học (Kinh tế Công nghiệp). Chủ tịch Hội đồng quản trị. + Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. + Ủy viên HĐQT Liên doanh BAT-VINATABA. + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị. 4.865 CP, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
2. Ông Bùi Tấn Hòa + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch :	Nam 26/04/1971 Sài gòn Việt Nam

<ul style="list-style-type: none"> + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 	<p>Kỹ sư cơ khí Giám đốc, Ủy viên hội đồng quản trị Không. 9.041 CP, chiếm 0,07% vốn điều lệ.</p>
<p>3. Ông Cù Mạnh Đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 	<p>Nam 21/06/1968 Nam Định Việt Nam Cử nhân kinh tế, cử nhân Công nghệ thông tin. Ủy viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát nội bộ. Không. 27.004 CP, chiếm 0,21% vốn điều lệ.</p>
<p>4. Ông Trương Bình An Sơn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 	<p>Nam 02/08/1958 Sài gòn Việt Nam Cử nhân kinh tế tài chính, Thạc sĩ QTKD Kế toán trưởng, Ủy viên Hội đồng quản trị. Không. 48.999 CP, chiếm 0,37% vốn điều lệ.</p>
<p>5. Ông Nguyễn Duy Khánh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : 	<p>Nam 22/07/1964 Sài gòn Việt Nam Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ủy viên Hội đồng quản trị. + Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn. + Ủy viên HĐQT Công ty CP Hòa Việt. + Ủy viên HĐQT Công ty Thuốc lá Sài Gòn.</p>

+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
6. Ông Trịnh Xuân Quang	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	26/03/1960
+ Nơi sinh :	Hà nội
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư cơ khí
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	+ Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

Ghi chú: Ông Trịnh Xuân Quang thay thế Ông Nguyễn Duy Khánh từ ngày 03/04/2014.

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

- + Bà Quách Kim Anh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 4.062.240 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ.
- + Ông Bùi Tấn Hòa đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 1.310.400 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Cù Mạnh Đạt đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 1.310.400 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Trịnh Xuân Quang đại diện sở hữu cho Công ty TNHH 1 TV Thuốc Lá Sài Gòn số lượng 836.270 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

- + Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 2 thành viên : Bà Quách Kim Anh và Ông Trịnh Xuân Quang.
- + Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 3 thành viên : Ông Bùi Tấn Hòa, Ông Trương Bình An Sơn, Ông Cù Mạnh Đạt.
- + Thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Chưa có.

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

- Tiểu ban soát xét, đánh giá hệ thống quản trị Công ty gồm các thành viên:
 - + Bà Quách Kim Anh - Chủ tịch HĐQT, *Trưởng ban.*
 - + Ông Nguyễn Đức Hạnh - Phó Giám đốc, *Phó ban*
 - + Bà Đỗ Bích Ngọc - Ủy viên thường trực.

- + Ông Nguyễn Thế Bảo - Ủy viên.
- + Bà Đặng Thị Thanh Vân - Ủy Viên.
- Tiểu Ban xây dựng chiến lược phát triển công ty.
 - + Bà Quách Kim Anh - Chủ tịch HĐQT, *Trưởng ban.*
 - + Ông Bùi Tấn Hòa - Giám đốc, *Phó ban.*
 - + Ông Cù Mạnh Đạt - UV HĐQT, *UV thường trực.*
 - + Ông Trương Bình An Sơn - UV HĐQT, *Ủy viên.*
 - + Ông Nguyễn Đức Hạnh - Phó Giám đốc, *Ủy viên.*
 - + Ông Nguyễn Hoàng Minh - Phó Giám đốc, *Ủy viên.*

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát triển khai việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014.
- Giám sát triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát triển khai việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2013 cho cổ đông;
- Giám sát việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 cho cổ đông.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giám sát tình hình thuê TSCĐ và đầu tư mua mới TSCĐ.
- Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tiến hành 07 cuộc họp và ban hành 12 nghị quyết sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	32/NQ-CPCL	21/01/2014	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2013; Kế hoạch SXKD quý 1 năm 2014; Thống nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014;..
	33/NQ-CPCL	21/01/2014	Thông qua quyết toán chi phí hoạt động thị trường năm 2013; Thống nhất phê duyệt chương trình xây dựng chiến lược Công ty và hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty(2014-2015); Thống nhất thông qua kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật năm 2014; Thông qua báo cáo KSNB công ty quý 4/2013, kế hoạch KSNB quý 1/2014;...
2	147/NQ-CPCL	12/03/2014	Chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2014; Sửa

			đổi điều lệ Công ty; Thống nhất thông qua nội dung và tài liệu trình đại hội cổ đông thường niên năm 2014; Giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2014-2018;...
3	210/NQ-CPCL	03/04/2014	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty; Thông qua phân công công việc các thành viên Hội đồng quản trị; Thống nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2013;..
4	239/NQ-CPCL	14/04/2014	Đề cử ứng viên tham gia ứng cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Nhật Việt nhiệm kỳ 2014-2019;...
5	300/NQ-CPCL	12/05/2014	Thông qua kết quả hoạt động SXKD 04 tháng đầu năm 2014; Kế hoạch SXKD quý 2 năm 2014; Thông qua sửa đổi quy chế; Thông qua báo cáo KSNB công ty quý 1/2014, kế hoạch KSNB quý 2/2014; Thanh lý 01 xe Toyota 05 chỗ ngồi và mua mới xe 07 chỗ ngồi;....
6	313/NQ-CPCL	15/05/2014	Thống nhất thông qua chủ trương cho công ty thuê hoạt động 01 máy cắt chia cuộn Nishimura(TC-100A) của Công ty TNHH SXKD bao bì carton gấp nếp VINATOYO.;.....
7	325/NQ-CPCL	19/05/2014	Thông qua sửa đổi quy chế quản trị nội bộ công ty..; Thông qua quy chế đăng ký xét công nhận sáng kiến;..
8	367/NQ-CPCL	19/06/2014	Thống nhất thông qua chủ trương cho Công ty ký kết hợp đồng mua bán cây đầy lọc với Công ty TNHH liên doanh VINA-BAT; Ủy quyền cho Giám đốc công ty đàm phán thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành;....
9	493/NQ-CPCL	01/08/2014	Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý 2/2014; Kế hoạch SXKD quý 3/2014; Báo cáo tình hình tài chính 06 tháng đầu năm 2014, kế hoạch ngân sách năm 2015 của công ty; Thông qua báo cáo chi phí thị trường 06 tháng đầu năm 2014, điều chỉnh kế hoạch thị trường năm 2014; Thống nhất thông qua kế

			hoạch điều chỉnh chi phí hoạt động thị trường của công ty năm 2014; Thông qua kế hoạch hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, ban hàng quy chế, sửa đổi quy chế; Đầu tư 01 máy in ống đồng 10 màu; Trang bị nâng cấp hệ thống máy nén khí; Bổ nhiệm lại các bộ; Báo cáo quý 2/2014 của Ban KSNB công ty;.....
10	631/NQ-CPCL 632/NQ-CPCL	21/10/2014 21/10/2014	Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý 3/2014; Kế hoạch SXKD quý 4/2014; Thống nhất thông qua tạm ứng cổ tức năm 2014 cho cổ đông;.... Thống nhất thông qua dự án đầu tư 01 máy in ống đồng 10 màu; Thống nhất thông qua sửa đổi quy chế; Tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng ngân sách công ty; Thống nhất thông qua báo cáo của Ban KSNB; Thống nhất thông qua kế hoạch tiền lương năm 2014 của công ty; Thống nhất thông qua kế hoạch chi phí hoạt động thị trường năm 2014;....

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Chưa có.

e. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm tiểu ban soát xét đánh giá hệ thống Quản trị công ty và tiểu ban xây dựng chiến lược tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị tham gia ý kiến đóng góp và triển khai công việc.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty..

- Ông Cù Mạnh Đạt.
- Ông Trương Bình An Sơn.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Mai Thị Thu Lan + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 26/12/1961 Gia Lâm, Hà Nội Việt Nam Cử nhân kinh tế. Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát nội bộ – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Ông Nguyễn Văn Đạo + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 29/05/1954 Sài gòn Việt Nam Kỹ sư cơ khí. Ủy viên Ban Kiểm soát Không. 75.000 CP, chiếm 0,57% vốn điều lệ.
3. Nguyễn Thị Lan Anh + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 05/06/1961 Hà Nội Việt Nam Cử nhân kinh tế Ủy viên Ban Kiểm soát Phó trưởng phòng TCKT – Công ty Thuốc lá Thăng Long. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
4. Phạm Hữu Tài + Giới tính :	Nam

+ Ngày tháng năm sinh :	06/06/1967
+ Nơi sinh :	Sài gòn
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Kỹ sư công nghiệp
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Phó phòng kỹ thuật, Ủy viên Ban Kiểm soát
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	52.858 CP, chiếm 0,40% vốn điều lệ.

Ghi chú: Ông Phạm Hữu Tài thay thế Ông Nguyễn Văn Đạo từ ngày 03/04/2014.

b. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2014:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2013;
- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lợi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2014 trước khi trình ĐHĐCĐ trong phiên họp ngày 20/03/2015;
- Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí;
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc;
- Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra;

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát năm 2014 .

Đơn vị tính đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Quách Kim Anh	Chủ tịch HĐQT	222.818.233	150.151.000	372.969.233
2	Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	41.074.022	131.482.000	172.556.022
3	Bùi Tấn Hòa	Ủy viên, Giám đốc	1.057.441.293	131.482.000	1.188.923.293
4	Trịnh Xuân Quang	Ủy viên	154.790.333		154.790.333
5	Trương Bình An Sơn	Ủy viên, Kế toán trưởng	554.513.670	131.482.000	685.995.670
6	Cù Mạnh Đạt	Ủy viên	510.796.400	131.482.000	642.278.400
	Tổng cộng		2.541.433.951	676.079.000	3.217.512.951

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Mai Thị Thu Lan	Trưởng BKS	164.150.000	-	164.150.000
2	Nguyễn Văn Đạo	Ủy viên	32.000.000	-	32.000.000
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Ủy viên	158.650.000	-	156.650.000
4	Phạm Hữu Tài	Ủy viên	417.334.698	-	417.334.698
	Tổng cộng		772.134.698	-	770.134.698

BAN GIÁM ĐỐC					
STT	Họ và tên	Chức Vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	664.302.303	65.741.000	730.043.303
3	Nguyễn Hoàng Minh	Phó giám đốc	647.933.268	61.505.000	709.438.268
	Tổng cộng		1.312.235.571	127.246.000	1.439.481.571

b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Chỉ có cổ đông nội bộ là Ông Trịnh Xuân Quang là Phó Giám đốc của Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn là có hợp đồng giao dịch mua hàng của Công ty với tư cách pháp nhân là tổ chức trị giá phát sinh doanh thu trong năm 2014 là 633.178.204.358 đồng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 02 năm 2015, trình bày từ trang 6 đến trang 37 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quách Kim Anh



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, từ trang 6 đến trang 37 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Kim Anh	Chủ tịch	
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm từ 03/04/2014
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên	
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên	
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên	Bỏ nhiệm từ 03/04/2014

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Văn Đạo	Thành viên	Miễn nhiệm từ 03/04/2014
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	
Ông Phạm Hữu Tài	Thành viên	Bỏ nhiệm từ 03/04/2014

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Bùi Tấn Hòa
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 02 năm 2015, trình bày từ trang 6 đến trang 37 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		658.207.737.742	508.129.453.733
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.679.151.730	22.648.816.119
Tiền	111		6.679.151.730	22.648.816.119
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.690.456.518	210.056.787.867
Phải thu khách hàng	131		154.674.989.904	208.258.195.119
Trả trước cho người bán	132		1.015.466.614	1.792.280.172
Các khoản phải thu khác	135		-	6.312.576
Hàng tồn kho	140		490.478.879.614	269.899.809.272
Hàng tồn kho	141	5	490.478.879.614	269.899.809.272
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.359.249.880	5.524.040.475
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.813.447	48.631.792
Thuế GTGT được khấu trừ	152	6	3.688.221.224	3.627.517.950
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	1.576.647.049	1.759.266.733
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	55.568.160	88.624.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.015.559.461	69.137.990.271
Tài sản cố định	220		45.031.609.896	49.010.780.407
Tài sản cố định hữu hình	221	9	37.693.240.096	41.705.694.002
- Nguyên giá	222		456.647.650.632	434.200.779.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(418.954.410.536)	(392.495.085.223)
Tài sản cố định vô hình	227	10	7.127.486.397	7.305.086.405
- Nguyên giá	228		17.301.529.799	16.806.179.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.174.043.402)	(9.501.093.394)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	210.883.403	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	20.053.664.304	19.196.924.603
Đầu tư dài hạn khác	258		20.250.000.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(196.335.696)	(1.053.075.397)
Tài sản dài hạn khác	260		930.285.261	930.285.261
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	930.285.261	930.285.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		724.223.297.203	577.267.444.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		421.474.965.831	299.110.584.649
Nợ ngắn hạn	310		421.474.965.831	299.110.584.649
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	348.117.293.408	163.543.008.670
Phải trả người bán	312		48.961.450.150	120.363.325.225
Người mua trả tiền trước	313		-	42.097
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.616.451.823	2.357.251.469
Phải trả người lao động	315		12.437.431.625	8.196.989.764
Chi phí phải trả	316	16	297.677.273	184.559.506
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2.652.896.329	1.339.790.029
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.391.765.223	3.125.617.889
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.748.331.372	278.156.859.355
Vốn chủ sở hữu	410	18	302.748.331.372	278.156.859.355
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		78.622.980.000	43.622.998.069
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	27.557.178.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		93.087.051.372	75.938.383.016
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		724.223.297.203	577.267.444.004

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
Tài sản thuê ngoài			14.957.377.758	11.602.850.553
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			1.092.037.945	834.095.136
Ngoại tệ các loại				
- USD			880,65	892,70
- EUR			-	78,71

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lieu Phức Tính

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.472.157.768.426	1.602.041.379.642
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.472.157.768.426	1.602.041.379.642
Giá vốn hàng bán	11	20	1.305.989.545.044	1.460.469.358.822
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.168.223.382	141.572.020.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.006.728.978	475.649.176
Chi phí tài chính	22	22	25.351.566.463	16.218.189.400
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>17.791.951.722</i>	<i>12.087.230.178</i>
Chi phí bán hàng	24	23	28.081.649.126	25.186.541.895
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	27.757.611.322	23.388.324.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.984.125.449	77.254.613.736
Thu nhập khác	31	25	529.160.901	1.153.212.192
Chi phí khác	32	26	142.450.511	279.388.056
Lợi nhuận khác	40		386.710.390	873.824.136
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.370.835.839	78.128.437.872
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	14.843.914.822	6.888.846.906
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.526.921.017	71.239.590.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.458	5.437

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Lieu Phuc Tinh

Kế toán trưởng



Truong Binh An Son

Giám đốc



Bui Tan Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	86.370.835.839	78.128.437.872
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	27.678.481.607	25.955.473.550
Các khoản dự phòng	03	(856.739.701)	(848.752.560)
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	107.179.170	71.601.682
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05	(792.133.089)	(692.535.472)
Chi phí lãi vay	06	17.791.951.722	12.087.230.178
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	130.299.575.548	114.701.455.250
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	54.526.303.599	(56.816.651.371)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(220.579.070.342)	44.375.346.325
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(72.160.164.161)	70.804.797.307
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	9.818.345	12.367.027
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.678.833.955)	(12.240.224.164)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.663.346.684)	(7.042.271.626)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	350.000.000	120.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(430.000.000)	(120.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(138.325.717.650)	153.794.818.748
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.699.311.096)	(8.006.914.804)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	430.909.090	581.409.091
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.298.999.600
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	361.223.999	362.228.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.907.178.007)	(4.764.277.332)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.601.591.503.387	1.279.398.841.158
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.417.017.218.649)	(1.397.799.950.174)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.311.334.675)	(26.207.664.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		145.262.950.063	(144.608.773.016)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.969.945.594)	4.421.768.400
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	22.648.816.119	18.226.046.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		281.205	1.001.672
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	6.679.151.730	22.648.816.119

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lieu Phức Tính

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/08/2008 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 đồng chia thành 13.103.830 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 6.683.040 cổ phần tương ứng 66.830.400.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 6.420.790 cổ phần tương ứng 64.207.900.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Trong năm tài chính kết thúc 31/12/2014 của Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định thời gian khấu hao từ 2 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

Cụ thể, đối với các khoản đầu tư chứng khoán, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể:

- Đối với các sản phẩm, dịch vụ đã nghiệm thu, quyết toán toàn bộ khối lượng hoàn thành, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bản giao sản phẩm hoàn thành được bên A chấp nhận.
- Đối với các sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo giai đoạn, doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ bên A thực thanh toán và Công ty đã phát hành hoá đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)***Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 NGOẠI TỆ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 (“Thông tư 179”) về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào chuyển khoản do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.13 THUẾ (TIẾP)**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 15% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp và phế liệu thu hồi, 22% tính trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động chịu thuế còn lại theo Nghị định 152/2004/NĐ-CP ngày 06/08/2004 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, quy định đối với cơ sở sản xuất hoặc dịch vụ mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	174.415.500	108.606.500
Tiền gửi ngân hàng	6.504.736.230	22.540.209.619
Cộng	6.679.151.730	22.648.816.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	9.331.883.909	-
Nguyên liệu, vật liệu	465.467.813.459	244.432.636.038
Công cụ, dụng cụ	3.233.332	21.904.617
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.064.000	5.094.001
Thành phẩm	15.666.884.914	25.440.174.616
Cộng	<u>490.478.879.614</u>	<u>269.899.809.272</u>

6. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Là thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng nhập khẩu.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Là thuế nhập khẩu mua nguyên vật liệu chính.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng của nhân viên	30.568.160	68.624.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.000.000	20.000.000
Cộng	<u>55.568.160</u>	<u>88.624.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	28.611.808.367	393.822.109.296	8.643.374.420	3.123.487.142	434.200.779.225
- Mua trong năm	-	21.664.199.919	1.009.924.910	318.952.864	22.993.077.693
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(546.206.286)	-	(546.206.286)
Tại ngày 31/12/2014	28.611.808.367	415.486.309.215	9.107.093.044	3.442.440.006	456.647.650.632
HAO MÔN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	(25.944.642.385)	(357.654.574.340)	(6.605.292.777)	(2.290.575.721)	(392.495.085.223)
- Khấu hao trong năm	(382.017.156)	(24.931.273.171)	(1.067.969.015)	(624.272.257)	(27.005.531.599)
- Thanh lý, nhượng bán			546.206.286		546.206.286
Tại ngày 31/12/2014	(26.326.659.541)	(382.585.847.511)	(7.127.055.506)	(2.914.847.978)	(418.954.410.536)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	2.667.165.982	36.167.534.956	2.038.081.643	832.911.421	41.705.694.002
Tại ngày 31/12/2014	2.285.148.826	32.900.461.704	1.980.037.538	527.592.028	37.693.240.096

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 219.077.480.360 đồng

Nguyên giá tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngân hạn tại ngày 31/12/2014 là 68.341.856.530 đồng

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngân hạn tại ngày 31/12/2014 là 2.197.266.457 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	15.502.607.589	1.303.572.210	16.806.179.799
- Mua trong năm	-	495.350.000	495.350.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>15.502.607.589</u>	<u>1.798.922.210</u>	<u>17.301.529.799</u>
HAO MÒN LŨY KÊ			
Tại ngày 01/01/2014	(8.441.449.888)	(1.059.643.506)	(9.501.093.394)
- Khấu hao trong năm	(350.140.056)	(322.809.952)	(672.950.008)
Tại ngày 31/12/2014	<u>(8.791.589.944)</u>	<u>(1.382.453.458)</u>	<u>(10.174.043.402)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	<u>7.061.157.701</u>	<u>243.928.704</u>	<u>7.305.086.405</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.711.017.645</u>	<u>416.468.752</u>	<u>7.127.486.397</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là: 1.303.572.210 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 là: 15.502.607.589 đồng.

Giá trị còn lại của tài cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng tại ngày 31/12/2014 là: 6.711.017.645 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Mua sắm tài sản cố định	210.883.403	-
Trong đó:		
+ Máy in ống đồng 10 màu (chi phí đăng báo, tư vấn thầu)	210.883.403	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		20.250.000.000		20.250.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	2.025.000	20.250.000.000	2.025.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		(196.335.696)		(1.053.075.397)
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt		(196.335.696)		(1.053.075.397)
Cộng		20.053.664.304		19.196.924.603

(*): Giá trị trích lập dự phòng được dựa trên số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2014 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	930.285.261	930.285.261
- Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của tài sản "máy in ATN6 9 màu"	930.285.261	930.285.261
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	930.285.261	930.285.261

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	-	30.400.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	99.347.548.224	58.700.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	188.239.782.145	43.443.008.670
Vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhan Việt Nam	60.529.963.039	31.000.000.000
Cộng	348.117.293.408	163.543.008.670

Các khoản vay ngân hàng theo các hợp đồng hạn mức tín dụng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là nguyên vật liệu, nhà xưởng và dây chuyền máy ATN 9 màu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.136.788.111	1.956.219.973
Thuế thu nhập cá nhân	479.663.712	401.031.496
Cộng	4.616.451.823	2.357.251.469

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	297.677.273	184.559.506
Cộng	297.677.273	184.559.506

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.326.660	23.324.760
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	275.000.000
Tạm thu về thuế TNCN	2.284.972.400	841.343.393
Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.597.269	200.121.876
Cộng	2.652.896.329	1.339.790.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đã góp đến ngày 31/12/2014		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2013	
	%	VND	%	VND
Tông Công ty Thuộc lá Việt Nam	51%	66.830.400.000	51%	66.830.400.000
Công ty TNHH MTV Thuộc lá Sài Gòn	6,4%	8.362.700.000	6,4%	8.362.700.000
Công ty TNHH MTV Thuộc lá Thăng Long	4,1%	5.338.040.000	4,1%	5.338.040.000
Cổ đông khác	38,5%	50.507.160.000	38,5%	50.507.160.000
Cộng	100%	131.038.300.000	100%	131.038.300.000

18.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2014 Cổ phiếu	Tại 01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.103.830	13.103.830
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.3 CỔ TỨC

Trong năm 2014, Công ty trả cổ tức đợt 2 năm 2013 là 15%/mệnh giá cổ phần bằng tiền mặt với số tiền 19.655.745.000 đồng và tạm ứng cổ tức năm 2014 là 15%/ mệnh giá cổ phần bằng tiền mặt với số tiền 19.655.745.000 đồng.

18.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	78.622.980.000	43.622.998.069
+ Quỹ đầu tư phát triển	65.519.150.000	30.519.168.069
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.103.830.000	13.103.830.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	27.557.178.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	131.038.300.000	-	33.374.903.059	22.707.787.270	51.191.263.599	238.312.253.928
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	71.239.590.966	71.239.590.966
Trích các quỹ	-	-	10.248.095.010	4.849.391.000	(15.097.486.010)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.099.391.000)	(5.099.391.000)
Chia cổ tức còn lại năm 2012	-	-	-	-	(13.103.830.000)	(13.103.830.000)
Tăng trong năm	-	347.106.867	-	-	-	347.106.867
Giảm trong năm	-	(347.106.867)	-	-	-	(347.106.867)
Thuế TNĐN năm 2012 nộp bổ sung	-	-	-	-	(87.934.539)	(87.934.539)
Tạm ứng cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(13.103.830.000)	(13.103.830.000)
Tại ngày 31/12/2013	131.038.300.000	-	43.622.998.069	27.557.178.270	75.938.383.016	278.156.859.355
Tại ngày 01/01/2014	131.038.300.000	-	43.622.998.069	27.557.178.270	75.938.383.016	278.156.859.355
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	71.526.921.017	71.526.921.017
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	-	2.240.406.931	5.202.396.730	(7.442.803.661)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.623.959.000)	(7.623.959.000)
Chia cổ tức còn lại năm 2013 (15%)	-	-	-	-	(19.655.745.000)	(19.655.745.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2014 (15%) (**)	-	-	-	-	(19.655.745.000)	(19.655.745.000)
Tặng, giảm khác (*)	-	-	32.759.575.000	(32.759.575.000)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	131.038.300.000	-	78.622.980.000	-	93.087.051.372	302.748.331.372

(*) Căn cứ biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 01/8/2014 về việc chuyển số dư “Quỹ dự phòng tài chính” sang “Quỹ đầu tư phát triển”.

(**) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 631/NQ-CPCL ngày 21/10/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.472.157.768.426	1.602.041.379.642
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.451.103.145.168	1.533.065.273.220
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	3.416.468.365	51.154.218.253
Doanh thu gia công, chế biến	4.039.350.595	3.974.442.760
Doanh thu phế liệu thu hồi	12.961.974.755	12.901.290.625
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	636.829.543	946.154.784

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.286.287.732.786	1.376.997.099.436
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	3.619.281.707	67.478.965.563
Giá vốn gia công chế biến	2.483.726.253	2.145.848.414
Giá vốn phế liệu thu hồi	12.961.974.755	12.901.290.625
Giá vốn của dịch vụ khác	636.829.543	946.154.784
Cộng	1.305.989.545.044	1.460.469.358.822

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	361.223.999	362.228.781
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	645.504.979	113.420.395
Cộng	1.006.728.978	475.649.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	17.791.951.722	12.087.230.178
Lỗ hoạt động đầu tư tài chính (chứng khoán)	-	251.102.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.066.958.945	4.651.260.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	107.179.170	71.601.682
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	-	5.747.296
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(856.739.701)	(88.722.160)
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	(760.030.400)
Chiết khấu thanh toán	5.242.216.327	-
Cộng	25.351.566.463	16.218.189.400

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Quảng cáo, tiếp khách	4.988.430.263	20.000.000
Cước vận chuyển, bốc xếp	23.048.979.140	22.589.693.895
Chi phí khác bằng tiền	44.239.723	2.576.848.000
Cộng	28.081.649.126	25.186.541.895

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.827.966.828	8.656.588.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.749.845.142	2.810.675.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.071.913.830	1.953.032.685
Chi phí khác bằng tiền	11.107.885.522	9.968.028.362
Cộng	27.757.611.322	23.388.324.965

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	430.909.090	581.409.091
Thu nhập khác	98.251.811	571.803.101
Cộng	529.160.901	1.153.212.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	7.545.455	-
Chi phí nộp phạt	109.405.056	256.189.056
Chi phí khác	25.500.000	23.199.000
Cộng	142.450.511	279.388.056

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.370.835.839	78.128.437.872
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.212.890.876	5.692.851.545
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.213.172.081	5.693.853.217
- Các khoản điều chỉnh giảm	281.205	1.001.672
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	96.583.726.715	83.821.289.417
<u>Trong đó:</u>		
Thu nhập được ưu đãi miễn		
- giảm (TS 15%)	91.492.929.356	80.365.842.853
Thu nhập được ưu đãi miễn		
- giảm (TS 20%)	-	49.058.981
Thu nhập không được ưu đãi		
- miễn giảm (TS 22%)	5.090.797.359	-
Thu nhập không được ưu đãi		
- miễn giảm (TS 25%)	-	3.406.387.583
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.843.914.822	12.916.285.120
Thuế TNDN được giảm 50%	-	6.027.438.214
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.843.914.822	6.888.846.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	71.526.921.017	71.239.590.966
Số điều chỉnh tăng	-	-
Số điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	71.526.921.017	71.239.590.966
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	13.103.830	13.103.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	5.458	5.437

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết. Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu với các bên liên quan	1.363.100.586.146	1.447.938.307.127
Công ty Thuốc lá An Giang	19.064.829.040	9.426.943.683
Công ty Thuốc lá Bến Tre	19.767.140.971	9.495.828.465
Công ty Thuốc lá Cửu Long	17.946.275.488	11.651.224.666
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	20.675.538.110	18.489.026.467
Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	46.998.436.583	49.142.073.010
Công ty Thuốc lá Hải Phòng	21.393.972.720	34.538.107.046
Công ty Thuốc lá Long An	49.095.406.113	49.127.399.310
Công ty Thuốc lá Sài Gòn	633.178.204.358	707.618.826.281
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	42.027.588.488	41.573.280.460
Công ty Thuốc lá Thăng Long	376.487.969.344	378.652.165.125
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	72.000.000	72.000.000
Công ty Thuốc lá Đà Nẵng	1.175.127.100	10.572.500
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	115.218.097.831	138.140.860.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Mua hàng với các bên liên quan	561.676.178.755	474.115.052.941
Công ty Thuốc lá An Giang	158.890.000	-
Công ty Thuốc lá Bến Tre	-	66.205.380
Công ty Thuốc lá Cửu Long	4.558.946	
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	31.920.000	31.260.000
Công ty Thuốc lá Long An	30.645.000	52.279.000
Công ty Thuốc lá Sài Gòn	712.079.044	1.338.669.069
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	460.124.601	769.182.940
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	543.571.325.725	457.391.736.099
Công ty Thương mại Miền Nam	16.706.635.439	14.465.720.453

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu		
<i>Phải thu khách hàng</i>	144.728.783.063	200.724.685.722
Công ty Thuốc lá An Giang	1.446.018.056	1.519.386.601
Công ty Thuốc lá Bến Tre	2.294.705.279	1.438.182.829
Công ty Thuốc lá Cửu Long	3.531.766.699	2.316.390.970
Công ty Thuốc lá Đồng Tháp	4.462.463.537	4.454.862.372
Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	7.426.541.534	2.569.863.029
Công ty Thuốc lá Long An	14.003.301.633	15.324.667.366
Công ty Thuốc lá Sài Gòn	53.392.632.223	110.661.002.497
Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	6.307.155.569	1.082.856.414
Công ty Thuốc lá Thăng Long	38.492.687.483	61.357.473.644
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	13.371.511.050	-
Các khoản phải trả		
<i>Phải trả người bán</i>	13.309.517.752	71.621.398.089
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	11.065.027.468	70.063.641.657
Công ty Thương mại Miền Nam	2.244.490.284	1.557.756.432

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc	4.656.994.522	3.570.350.046
Thù lao của Ban Kiểm Soát	772.134.698	415.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn nút, giấy sếp và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu Năm 2014	Cây đầu lọc	In nhãn nút	Giấy sếp, Lưỡi gà	Sản phẩm khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	973.768.284.248	336.430.715.020	140.904.145.900	21.054.623.258	1.472.157.768.426
Khấu hao và chi phí phân bổ	921.811.300.561	309.459.367.271	135.080.128.192	19.436.136.563	1.385.786.932.587
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	51.956.983.687	26.971.347.749	5.824.017.708	1.618.486.695	86.370.835.839
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	20.080.257.919	954.012.000	-	2.454.157.774	23.488.427.693
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	724.223.297.203
Tổng tài sản					724.223.297.203
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	421.474.965.831
Tổng nợ phải trả					421.474.965.831

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Chỉ tiêu Năm 2013	Cây đầu lọc VND	In nhân tút VND	Giấy sáp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	957.071.706.994	425.223.774.958	154.744.234.028	65.001.663.662	1.602.041.379.642
Khấu hao và chi phí phân bổ	890.376.284.672	409.320.186.188	143.758.370.857	81.331.924.189	1.524.786.765.906
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	66.695.422.322	15.903.588.770	10.985.863.171	(16.330.260.527)	77.254.613.736
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.130.812.630	4.002.552.549	-	2.074.897.838	8.208.263.017
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	577.267.444.004
Tổng tài sản					577.267.444.004
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					299.110.584.649
Tổng nợ phải trả					299.110.584.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phân vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.2.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.679.151.730	22.648.816.119
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Phải thu khách hàng	154.674.989.904	208.258.195.119
Các khoản phải thu khác	-	6.312.576
Đầu tư dài hạn khác	20.053.664.304	19.196.924.603
Cộng	181.407.805.938	250.110.248.417
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	48.961.450.150	120.363.325.225
Vay và nợ	348.117.293.408	163.543.008.670
Chi phí phải trả	297.677.273	184.559.506
Các khoản phải trả khác	2.617.569.669	1.316.465.269
Cộng	399.993.990.500	285.407.358.670

TÀI SẢN ĐẢM BẢO**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH****Các yếu tố rủi ro tài chính****Tổng quan**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- a. Rủi ro thị trường
- b. Rủi ro tín dụng
- c. Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(a.1) Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****a. Rủi ro thị trường (tiếp)****(a.1) Rủi ro tiền tệ (tiếp)**

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	Tai ngày 31/12/2014			
	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	880,65	-	18.826.427	-
Trả trước người bán	6.800,00	-	145.554.000	-
Cộng	7.680,65	-	164.380.427	-
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	798.654,08	-	17.071.230.958	-
Cộng	798.654,08	-	17.071.230.958	-
Mức rủi ro tiền tệ	806.334,73	-	17.235.611.385	-

	Tai ngày 01/01/2014			
	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	892,70	-	18.817.519	-
Trả trước người bán	-	-	-	-
Cộng	892,70	-	18.817.519	-
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	907.639,80	122.593,40	19.131.531.225	3.559.376.776
Cộng	907.639,80	122.593,40	19.131.531.225	3.559.376.776
Mức rủi ro tiền tệ	908.532,50	122.593,40	19.150.348.744	3.559.376.776

Tại ngày 31/12/2014, nếu đồng Đô la Mỹ tăng hoặc giảm 2% so với đồng Việt Nam không kể các yếu tố khác thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính 31/12/2014 sẽ cao hoặc thấp hơn một khoản 341.424.619 đồng Việt Nam (17.071.230.958 x 2%) do lãi/lỗ chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính có gốc là đồng Đô la Mỹ.

(a.2) Rủi ro giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

a. Rủi ro thị trường (tiếp)

(a.2) Rủi ro giá (tiếp)

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát và điều hành.

(a.3) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị tổn thất tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

Phải thu khách hàng

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Giám đốc chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Số dư với ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****b. Rủi ro tín dụng (tiếp)****Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị**

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Giá trị các khoản phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 154.674.989.904 đồng. Trong đó giá trị phải thu khách hàng quá hạn tuy nhiên không suy giảm giá trị theo đánh giá của Công ty tại ngày 31/12/2014 chi tiết như sau:

Quá hạn	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Từ 1 đến 30 ngày	8.139.465.937	70.792.910.439
Từ 31 đến 60 ngày	3.748.065.488	2.200.024.337
Từ 61 đến 90 ngày	2.682.017.031	-
Cộng	14.569.548.456	72.992.934.776

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Công ty quản lý mức thanh khoản bằng cách đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tại ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****c. Rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán	48.961.450.150	-	48.961.450.150
Các khoản vay	348.117.293.408	-	348.117.293.408
Chi phí phải trả	297.677.273	-	297.677.273
Các khoản phải trả khác	2.617.569.669	-	2.617.569.669
Cộng	399.993.990.500	-	399.993.990.500
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán	120.363.325.225	-	120.363.325.225
Các khoản vay	163.543.008.670	-	163.543.008.670
Chi phí phải trả	184.559.506	-	184.559.506
Các khoản phải trả khác	1.316.465.269	-	1.316.465.269
Cộng	285.407.358.670	-	285.407.358.670

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. CÁC THÔNG TIN KHÁC**32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

32.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

32.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lieu Phức Tinh

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

